

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 94: Thế Tôn Là Tổng Hiệu, Dùng Khi Xưng Hô. Xưng Phật Là Biểu Thị Cho Quả Đức. Xưng Như Lai Là Biểu Thị Cho Tánh Đức

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 007)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



【Thế Tôn thị tổng hiệu, xưng hô thời dụng chi. Xưng Phật tác biểu Quả đức. Xưng Như Lai tác biểu Tánh đức.】

(Dịch nghĩa: Thế Tôn là tổng hiệu, dùng khi xưng hô. Xưng Phật là biểu thị cho Quả đức. Xưng Như Lai là biểu thị cho Tánh đức.)

Ba loại xưng hiệu này, trong kinh điển này chúng ta có thể thấy ở khắp mọi nơi. Tại sao phải dùng đến ba loại xưng hiệu, dùng một loại chẳng phải đơn giản hơn sao? Hà tất phải dùng đến ba loại?

Bởi vì trong mỗi xưng hiệu đều hàm chứa rất nhiều ý nghĩa. Sau khi chúng ta thấu hiểu rồi, mới biết được rằng từng câu từng chữ trong “Kinh Kim Cang” đều mang ý nghĩa sâu rộng vô hạn. Từ những chỗ này mà có thể thể hội được, thì mới đạt được sự thọ dụng chân thật.

“**Thế Tôn**”, chữ “Thế” là thế gian, chỉ nhân gian và thiên thượng (cõi trời). Thân phận của Phật là thân phận của một người Thầy, gọi là “Thiên Nhân Sư” (Thầy của trời và người). Trong mười danh hiệu của Phật có danh hiệu Thiên Nhân Sư. Phật dùng thân phận của người Thầy để xuất hiện trong tam giới lục đạo. Trong tam giới, duy chỉ có Sư đạo (đạo Thầy trò) là tôn quý nhất. Người Trung Quốc xưa đều biết “tôn sư trọng đạo”, xem đạo Thầy là tôn quý nhất.

Vì sao vậy? Bởi cha mẹ sanh ra cái thân xác thịt này của chúng ta, thân mạng này có được là nhờ cha mẹ; nhưng trí huệ thì có được là nhờ nơi Thầy, huệ mạng là do Thầy giúp đỡ chúng ta mà có. Vì vậy, xét về pháp thế gian mà nói, hai người có ân đức nặng nhất chính là cha mẹ và sư trưởng. Ân đức của cha mẹ và sư trưởng là ngang bằng nhau.

Trong cổ lễ, chúng ta ở đâu cũng có thể thấy được điều này. Ví dụ, điều thông thường nhất mà chúng ta thấy là việc xưng danh (gọi tên), hiện nay thì lễ tiết này đã không còn nữa rồi. Thời xưa, nam tử tròn hai mươi tuổi thì hành “Quán lễ” (lễ đội mũ). Quán lễ chính là đội mũ lên, việc đội mũ biểu thị người này đã trưởng thành, là người lớn rồi, không còn là trẻ con nữa. Mọi người trong xã hội phải tôn trọng họ, không thể xem họ như trẻ con được.

Sau khi hành Quán lễ, tên của người đó không được gọi tùy tiện nữa. Không thể gọi tên (danh) của họ, vậy phải xưng hô như thế nào? Những anh em, bạn học, bằng hữu cùng trang lứa sẽ tặng cho người đó một chữ, chữ đó gọi là “Tự” (tên tự/biệt hiệu). Tặng cho người đó một cái tên tự, kể từ ngày hành Quán lễ trở đi, mọi người sẽ gọi họ bằng tên tự chứ không gọi tên thật (danh), đây là sự cung kính đối với họ. Cho nên người xưa có “Danh”, có “Tự”, Danh và Tự là hai cái khác nhau, không phải là một. Người nữ cũng như vậy, cũng có Danh, có Tự. Người nữ mười sáu tuổi thì hành “Kế lễ”, tức là lễ cài trâm búi tóc, biểu thị đã trưởng thành.

Sau khi làm lễ trưởng thành, trong suốt cuộc đời người đó, người duy nhất được gọi tên thật (danh) của họ chính là cha mẹ. Ngay cả chú bác, ông nội của họ cũng đều gọi họ bằng tên tự (tự), không gọi tên thật, đây là sự tôn trọng đối với họ, duy chỉ có cha mẹ là gọi tên thật. Ngoài ra, còn một người nữa được gọi tên thật, đó chính là Thầy giáo. Thầy giáo suốt đời gọi tên thật của học trò, điều này nói lên rằng địa vị của người Thầy ngang hàng với cha mẹ.

Khi cha mẹ qua đời, con cái phải để tang ba năm, tức là mặc đồ tang phục ba năm. Khi Thầy giáo qua đời, học trò cũng phải để “tâm tang” ba năm, tuy không mặc đồ tang, nhưng trong tâm để tang ba năm, gọi là tâm tang. Từ những điểm này có thể thấy xã hội Trung Quốc thời xưa vô cùng tôn kính người Thầy.

Huống hồ Phật là bậc Đạo sư của cả trời và người, cho nên tôn xưng Ngài là “Thế Tôn” – bậc Sư trưởng đáng được người thế gian tôn kính nhất. Xưng Phật, xưng Thế Tôn, đây là tổng hiệu, là tên gọi chung.

Trong biệt hiệu lại có mười ý nghĩa, mười danh hiệu này ở đây chúng ta cũng lược bớt. Trong đó có hai danh hiệu: một là “Phật”, hai là “Nhu Lai”, đây là hai trong mười danh hiệu.

Trong kinh này, khi xưng là **“Phật”**, là nói từ phương diện tu hành chứng quả của Ngài, Ngài đã chứng được Phật quả viên mãn, là nói trên phương diện này; nói cách khác, là nói trên “sự tướng”.

Nếu xưng là **“Như Lai”**, thì đó không phải nói trên tướng, mà là nói trên “Bổn tánh”.

Cho nên, có lúc thì xưng là Phật, có lúc xưng là Như Lai, chúng ta nhìn qua là hiểu ngay. Ví dụ, trong đoạn kinh văn này nói: *“Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát”* (Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát, khéo phó chúc các Bồ Tát). Chỗ này không nói “Phật thiện hộ niệm”, mà nói “Như Lai”, Như Lai là trong chơn như bổn tánh vốn dĩ là như vậy. Đây không phải nói trên sự tướng, mà vốn dĩ nó là như thế. Đây là điều cần phải biết khi đọc “Kinh Kim Cang”. Không chỉ “Kinh Kim Cang” như vậy, mà trong các kinh Đại thừa nói chung, đại để đều mang ý nghĩa này.